

THỰC TRẠNG VÀ LỘ TRÌNH ÁP DỤNG IFRS TẠI VIỆT NAM THEO ĐỊNH HƯỚNG CỦA BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

● PHẠM THỊ PHƯỢNG

Khoa Quản trị - Luật, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

DOI: <https://doi.org/10.62831/202608034>

TÓM TẮT:

Nghiên cứu về thực trạng và lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp và hỗ trợ quá trình chuyển đổi hiệu quả. Bài viết tập trung phân tích khả năng chuyển đổi từ chuẩn mực kế toán hiện hành sang IFRS của doanh nghiệp Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu xem xét các định hướng và chính sách triển khai do Bộ Tài chính ban hành. Bên cạnh đó, các thuận lợi và khó khăn trong quá trình áp dụng IFRS cũng được làm rõ. Các yếu tố như năng lực nhân sự, chi phí chuyển đổi và hệ thống công nghệ thông tin được phân tích cụ thể. Nghiên cứu cũng chỉ ra sự khác biệt giữa IFRS và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Qua đó, đánh giá tác động của IFRS đến tính minh bạch và chất lượng báo cáo tài chính. Kết quả nhằm đề xuất giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan quản lý áp dụng IFRS hiệu quả trong thời gian tới.

Từ khóa: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS).

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, việc chuẩn hóa thông tin tài chính theo thông lệ quốc tế trở thành yêu cầu tất yếu đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) được xem là “ngôn ngữ chung” của kế toán toàn cầu, góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và độ tin cậy của báo cáo tài chính. Việc áp dụng IFRS không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị mà còn tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và tiếp cận thị trường tài chính quốc tế.

Tại Việt Nam, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) dù đã có nhiều cải tiến nhưng vẫn tồn tại những khác biệt đáng kể so với IFRS, đặc biệt về cách tiếp cận và phương pháp ghi nhận, đo lường. Nhận thức được xu thế tất yếu này, Bộ Tài chính Việt Nam đã ban hành đề án và lộ trình áp dụng IFRS nhằm từng bước đưa hệ thống kế toán Việt Nam tiệm cận với chuẩn mực quốc tế. Lộ trình này được triển khai theo từng giai đoạn, từ chuẩn bị, áp dụng tự nguyện đến áp dụng bắt buộc đối với một số đối tượng cụ thể.

Tuy nhiên, quá trình áp dụng IFRS tại Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn như hạn chế về

nguồn nhân lực, chi phí chuyển đổi cao và sự chưa đồng bộ của hệ thống pháp lý. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và lộ trình áp dụng IFRS theo định hướng của Bộ Tài chính là cần thiết, nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng, nhận diện các thách thức và đề xuất giải pháp phù hợp. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao chất lượng thông tin tài chính tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan về Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)

2.1.1. Khái niệm IFRS

Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS - International Financial Reporting Standards) là hệ thống các chuẩn mực kế toán do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán quốc tế (IASB) ban hành, nhằm hướng dẫn việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo một khuôn khổ thống nhất trên phạm vi toàn cầu.

IFRS được xây dựng với mục tiêu tạo ra một “ngôn ngữ kế toán chung”, giúp các báo cáo tài chính giữa các quốc gia có thể so sánh, minh bạch và đáng tin cậy hơn.

2.1.2. Mục tiêu và vai trò của IFRS

Việc áp dụng IFRS mang lại các vai trò quan trọng:

Tăng tính minh bạch và trung thực của báo cáo tài chính.

Nâng cao khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp trên toàn cầu.

Thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hỗ trợ quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

Theo đánh giá của cơ quan quản lý, IFRS giúp cải thiện chất lượng thông tin tài chính và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút dòng vốn đầu tư quốc tế.

2.1.3. Nguyên tắc cơ bản của IFRS

IFRS được xây dựng dựa trên nguyên tắc (principle-based) thay vì quy tắc cứng nhắc (rule-based), bao gồm:

Nguyên tắc giá trị hợp lý (Fair value).

Nguyên tắc trọng yếu (Materiality).

Nguyên tắc bản chất hơn hình thức (Substance over form).

Nguyên tắc dồn tích (Accrual basis).

Các nguyên tắc này giúp phản ánh sát thực hơn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

2.2. Đặc điểm của VAS

Mang tính quy tắc (rule-based), chi tiết và mang tính hướng dẫn cụ thể

Phù hợp với điều kiện quản lý và trình độ phát triển của Việt Nam.

Chịu ảnh hưởng từ hệ thống kế toán truyền thống và yếu tố quản lý nhà nước.

2.3. Cơ sở lý luận về áp dụng IFRS

2.3.1. Khái niệm áp dụng IFRS

Áp dụng IFRS là quá trình chuyển đổi từ hệ thống kế toán quốc gia (VAS) sang việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRS.

2.3.2. Các phương thức áp dụng IFRS

Có 2 phương thức chính:

Thứ 1: Áp dụng tự nguyện: Doanh nghiệp chủ động chuyển đổi khi có nhu cầu.

Thứ 2: Áp dụng bắt buộc: Theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

2.3.3. Điều kiện áp dụng IFRS

Để áp dụng IFRS hiệu quả cần:

Nguồn nhân lực có chuyên môn IFRS

Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp

Khung pháp lý đầy đủ

Sự hỗ trợ từ cơ quan quản lý

3. Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu (desk research) được sử dụng để thu thập và tổng hợp các cơ sở lý thuyết liên quan đến IFRS.

Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng để đánh giá thực trạng áp dụng IFRS tại Việt Nam.

Phương pháp so sánh được áp dụng để đối chiếu giữa hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và IFRS

Phương pháp suy luận logic: được sử dụng để đề xuất lộ trình và giải pháp phù hợp với định hướng của Bộ Tài chính Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tổng quan về IFRS và định hướng áp dụng tại Việt Nam

Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) là hệ thống chuẩn mực kế toán được sử dụng rộng rãi trên thế giới, nhằm đảm bảo tính minh bạch, nhất quán và khả năng so sánh của thông tin tài chính giữa các quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc áp dụng IFRS tại Việt Nam là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính và tăng cường niềm tin của nhà đầu tư.

Tại Việt Nam, Bộ Tài chính đã ban hành Đề án áp dụng IFRS, xác định lộ trình cụ thể nhằm từng bước chuyển đổi từ hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang IFRS. Đây được xem là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý kế toán, tiệm cận thông lệ quốc tế.

4.2. Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam

Để chuẩn bị cho việc chuyển đổi từ VAS sang IFRS, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020, phê duyệt đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam và xác định lộ trình triển khai theo từng giai đoạn cụ thể.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị (2019 - 2021)

Trong giai đoạn này, Bộ Tài chính đã triển khai các hoạt động thiết yếu như:

Công bố bản dịch IFRS sang tiếng Việt để tạo điều kiện cho doanh nghiệp và chuyên gia tiếp cận chuẩn mực quốc tế.

Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định pháp luật liên quan đến IFRS.

Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn cho kế toán viên, kiểm toán viên, và những người làm báo cáo tài chính.

Nghiên cứu, phân tích sự khác biệt giữa VAS và IFRS để chuẩn bị lộ trình chuyển đổi phù hợp.

Giai đoạn 2: Áp dụng tự nguyện (2022 - 2025)

Bắt đầu từ năm 2022, một số doanh nghiệp đã được phép áp dụng IFRS một cách tự nguyện nếu có nhu cầu và đủ nguồn lực. Các nhóm doanh nghiệp được khuyến khích áp dụng IFRS bao gồm:

Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước quy mô lớn; Công ty mẹ là công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các công ty đại chúng quy mô lớn; Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (FDI) có nhu cầu tự nguyện báo cáo theo IFRS.

Việc áp dụng tự nguyện này được coi là giai đoạn thử nghiệm nhằm giúp doanh nghiệp thích nghi với IFRS trước khi bước vào giai đoạn buộc phải áp dụng.

Giai đoạn 3: Áp dụng bắt buộc (từ năm 2025 trở đi)

Theo định hướng của Bộ Tài chính, từ sau năm 2025, IFRS sẽ trở thành bắt buộc đối với các đối tượng doanh nghiệp cụ thể, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, nhằm chuẩn hóa báo cáo tài chính theo thông lệ quốc tế. Nhóm đối tượng bắt buộc bao gồm: Công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế nhà nước; công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn; các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng lớn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4.3. Thực trạng áp dụng IFRS tại Việt Nam

4.3.1. Mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp

Hiện nay, việc áp dụng IFRS tại Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu, với mức độ sẵn sàng chưa đồng đều giữa các loại hình doanh nghiệp:

Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI):

Có mức độ tiếp cận IFRS cao hơn do nhu cầu lập báo cáo cho công ty mẹ hoặc nhà đầu tư nước ngoài. Một số doanh nghiệp đã chủ động lập báo cáo tài chính theo IFRS song song với VAS.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs):

Phần lớn chưa sẵn sàng do hạn chế về nguồn lực tài chính, nhân sự và trình độ chuyên môn kế toán.

Thực tế cho thấy, số lượng doanh nghiệp áp dụng IFRS tại Việt Nam còn hạn chế và chủ yếu mang tính tự nguyện.

4.3.2. Hệ thống pháp lý và chuẩn mực kế toán

Việt Nam hiện vẫn áp dụng VAS (Chuẩn mực kế toán Việt Nam), được xây dựng dựa trên IAS/IFRS nhưng đã lạc hậu so với các phiên bản mới.

Một số khác biệt lớn giữa VAS và IFRS:

IFRS chú trọng bản chất hơn hình thức, trong khi VAS thiên về tuân thủ quy định.

IFRS sử dụng nhiều ước tính và giá trị hợp lý, còn VAS chủ yếu dựa trên giá gốc.

IFRS yêu cầu trình bày và thuyết minh chi tiết hơn.

Điều này tạo ra khoảng cách đáng kể, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi chuyển đổi.

4.3.3. Nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán

Đội ngũ kế toán tại Việt Nam nhìn chung: Quen với hệ thống VAS, Hạn chế về kiến thức IFRS và kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành. Hơn nữa, IFRS chưa được giảng dạy sâu rộng trong nhiều trường đại học. Số lượng chuyên gia có chứng chỉ quốc tế (ACCA, CPA quốc tế...) còn hạn chế. Đây là một trong những rào cản lớn nhất đối với việc triển khai IFRS.

4.3.4. Hạ tầng công nghệ và hệ thống thông tin

Nhiều doanh nghiệp đã ứng dụng phần mềm kế toán, ERP. Tuy nhiên, Hệ thống chưa được thiết kế phù hợp với yêu cầu báo cáo theo IFRS và Việc chuyển đổi dữ liệu từ VAS sang IFRS còn thủ công, tốn thời gian. Điều này làm tăng chi phí và độ phức tạp trong quá trình áp dụng.

4.3.5. Nhận thức và chi phí áp dụng

Một bộ phận doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích của IFRS

Chi phí chuyển đổi bao gồm: Đào tạo nhân sự, Nâng cấp hệ thống công nghệ và thuê tư vấn chuyên môn. Do đó, nhiều doanh nghiệp còn e ngại và chưa chủ động triển khai.

4.4. Hạn chế và thách thức trong thực trạng áp dụng IFRS tại Việt Nam

4.4.1. Hạn chế về khung pháp lý và sự khác biệt với VAS

Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) hiện hành vẫn còn nhiều khác biệt so với IFRS, đặc biệt trong các vấn đề như ghi nhận doanh thu, công cụ tài chính, hợp nhất báo cáo tài chính.

Khung pháp lý chưa hoàn toàn đồng bộ, một số quy định pháp luật (thuế, tài chính, doanh nghiệp) chưa tương thích với cách tiếp cận theo IFRS.

Việc ban hành IFRS bằng tiếng Việt còn chậm, chưa đầy đủ và thiếu hướng dẫn chi tiết, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình áp dụng.

4.4.2. Hạn chế về nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, đội ngũ kế toán, kiểm toán tại Việt Nam phần lớn được đào tạo theo VAS, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn với IFRS.

Thứ hai, số lượng chuyên gia am hiểu sâu về IFRS còn hạn chế, đặc biệt ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ ba, khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành tài chính - kế toán của nhiều nhân sự còn yếu, gây trở ngại trong việc tiếp cận tài liệu IFRS gốc.

4.4.3. Chi phí chuyển đổi và áp dụng cao

Doanh nghiệp phải đầu tư đáng kể vào đào tạo nhân sự, nâng cấp hệ thống phần mềm kế toán và thuê tư vấn chuyển đổi.

Chi phí tuân thủ IFRS (compliance cost) có thể tạo áp lực lớn, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Lợi ích của việc áp dụng IFRS chưa thể hiện rõ ngay trong ngắn hạn, khiến nhiều doanh nghiệp chưa thực sự mặn mà.

4.4.4. Hạn chế về hệ thống công nghệ thông tin

Nhiều doanh nghiệp vẫn sử dụng hệ thống kế toán truyền thống, chưa đáp ứng yêu cầu xử lý dữ liệu phức tạp theo IFRS.

Thiếu sự tích hợp giữa hệ thống kế toán, quản trị và báo cáo tài chính.

Dữ liệu kế toán chưa được chuẩn hóa, gây khó khăn trong việc lập báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế.

4.4.5. Nhận thức và mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp còn thấp

Một số doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích lâu dài của IFRS như nâng cao tính minh bạch và khả năng thu hút vốn đầu tư.

Tâm lý e ngại thay đổi, đặc biệt đối với các doanh nghiệp chưa có nhu cầu huy động vốn quốc tế.

Việc áp dụng IFRS hiện nay chủ yếu mang tính tự nguyện, nên mức độ chủ động của doanh nghiệp còn hạn chế.

4.4.6. Thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan

Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp và cơ sở đào tạo chưa thực sự chặt chẽ.

Chưa có cơ chế hỗ trợ toàn diện cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi.

Công tác giám sát, đánh giá việc áp dụng IFRS còn chưa được triển khai hiệu quả.

4.4.7. Thách thức từ môi trường kinh tế và đặc thù Việt Nam

Thứ nhất, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuyển đổi, nhiều doanh nghiệp có quy mô nhỏ, năng lực quản trị còn hạn chế.

Thứ hai, thị trường tài chính chưa phát triển hoàn toàn theo chuẩn quốc tế, ảnh hưởng đến việc áp dụng các chuẩn mực IFRS liên quan đến công cụ tài chính.

Sự khác biệt về văn hóa kinh doanh, mức độ minh bạch và quản trị doanh nghiệp cũng là rào cản trong việc áp dụng IFRS.

4.5. Giải pháp thúc đẩy áp dụng IFRS tại Việt Nam

Để đảm bảo lộ trình áp dụng IFRS theo định hướng của Bộ Tài chính đạt hiệu quả, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn thực thi, đảm bảo sự đồng bộ giữa IFRS với các quy định pháp luật hiện hành; đồng thời ban hành chuẩn mực IFRS bằng tiếng Việt và hướng dẫn chuyển đổi rõ ràng từ VAS.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán thông qua đào tạo IFRS trong trường đại học, khuyến khích đạt chứng chỉ quốc tế và tăng cường tập huấn thực tiễn cho doanh nghiệp.

Thứ ba, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin bằng việc nâng cấp hệ thống kế toán, ERP và ứng

dụng công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý và trình bày dữ liệu theo IFRS.

Thứ tư, phát huy vai trò của các tổ chức nghề nghiệp trong việc đào tạo, phổ biến IFRS và kết nối giữa cơ quan quản lý với doanh nghiệp.

Thứ năm, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi thông qua xây dựng lộ trình phù hợp, cung cấp tài liệu hướng dẫn và chính sách hỗ trợ chi phí.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đã áp dụng IFRS và tranh thủ sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế.

Thứ bảy, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và nhà đầu tư về lợi ích của IFRS nhằm tạo động lực tự nguyện áp dụng.

Thứ tám, thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá lộ trình thực hiện, đảm bảo quá trình áp dụng IFRS diễn ra minh bạch, hiệu quả và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

5. Kết luận

Việc áp dụng IFRS tại Việt Nam theo định hướng của Bộ Tài chính Việt Nam là một bước đi quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và chất lượng báo cáo tài chính, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Thực trạng cho thấy, nhiều doanh nghiệp lớn và công ty niêm yết đã bắt đầu chuẩn bị chuyển đổi, nhưng vẫn còn gặp khó khăn về nguồn nhân lực, chi phí chuyển đổi, khác biệt giữa VAS và IFRS, cũng như hướng dẫn pháp lý chưa đồng bộ. Lộ trình áp dụng từ tự nguyện đến bắt buộc sau năm 2025 là cơ hội để các doanh nghiệp thích ứng dần và từng bước triển khai hiệu quả IFRS. Việc giải quyết các thách thức này sẽ đóng vai trò then chốt giúp Việt Nam triển khai IFRS một cách bền vững, góp phần nâng cao uy tín và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

PwC Vietnam (2022-2024). Áp dụng IFRS ở Việt Nam - lộ trình và nội dung. Truy cập tại <https://www.pwc.com/vn/vi/services/ifrs.html>.

KPMG Vietnam (2020-2023). Draft Circular Replace Circular 200 and Vietnam's IFRS. Available at <https://home.kpmg.vn.https://kpmg.com/vn/en/home/insights/2025/08/draft-circular-replace-circular-200-and-vietnam-ifrs-roadmap.html>.

Stice E. K. (2021). Financial Accounting: IFRS Edition. Cengage Learning.

Melville A. (2022). International Financial Reporting (8th ed.). Pearson.

Ngày nhận bài: 20/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 04/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 28/02/2026

THE CURRENT STATUS AND ROADMAP FOR IFRS ADOPTION IN VIETNAM: IMPLICATIONS OF THE MINISTRY OF FINANCE'S STRATEGIC DIRECTI

● PHAM THI PHUONG

Faculty of Management and Law,
Ba Ria - Vung Tau University

ABSTRACT:

Research on the current status and roadmap for IFRS adoption in Vietnam is essential for assessing enterprise readiness and facilitating an effective transition. This study analyzes the capacity of Vietnamese enterprises to shift from existing accounting standards to IFRS, while also reviewing implementation guidelines and policies issued by the Ministry of Finance. It further evaluates the advantages and challenges associated with IFRS adoption, with particular attention to human resource capability, transition costs, and information technology infrastructure. In addition, the study examines key differences between IFRS and Vietnamese accounting standards to assess their implications for the transparency and quality of financial reporting. The findings provide a basis for developing solutions to support both enterprises and regulatory authorities in advancing the effective adoption of IFRS in Vietnam.

Keywords: International Financial Reporting Standards (IFRS), IFRS adoption roadmap in Vietnam, Vietnamese Accounting Standards (VAS).